

Binary Numbers

Position	Country	Name	Category	ID	Raw Score	Points
1	Mongolia	Naranzul Otgon-Ulaan (IGM)	Junior	J030	6672	891
2	Mongolia	Erdenegerel Ganzorig	Junior	J023	5493	734
3	Mongolia	Bilguuntugs Elbegsaikhan (IMM)	Junior	J037	5226	698
4	Mongolia	Maral Namsrai (IGM)	Junior	J041	5076	678
5	Mongolia	Lkhagvadorj Batbayar (IGM)	Adult	A055	4323	578
6	Mongolia	Gegee Enkhbold	Junior	J036	4236	566
7	Australia	Amirlangua Purevdavaa	Junior	J044	3948	527
8	Mongolia	Ganchuluun Siilen	Kid	K047	3841	513
9	Mongolia	Purevjav Erdenesaikhan (IGM)	Adult	A054	3675	491
10	Mongolia	Selengemurun Batbayr (IMM)	Junior	J043	3557	475
11	Mongolia	Enkhjin Nammandakh	Junior	J040	3468	463
12	Mongolia	Gegeen-Oyun Munkhbat	Junior	J042	3421	457
13	Mongolia	Azjargal Dechinravdan	Junior	J033	3375	451
14	China	Liwu Shen (IMM)	Adult	A046	3360	449
15	Australia	Guamaral Purevdavaa	Kid	K040	3315	443
16	Mongolia	Sondor Ganpurev	Kid	K053	3302	441
17	Mongolia	Nomin Norovpel (IMM)	Adult	A053	3291	440
18	Mongolia	Enkhjin Enkhbayar	Junior	J028	3177	424
19	Australia	Maral Oyunbat	Junior	J021	3090	413
20	Mongolia	Bolormaa Chinzorigt	Junior	J034	3085	412
21	Mongolia	Misheel Batzorig	Kid	K048	3036	406
22	Mongolia	Urlee Purevgerel	Junior	J032	3000	401
23	Mongolia	Angarag Amartugs	Junior	J038	2976	398
24	Mongolia	Ariuntungalag Suvdmaa	Junior	J022	2898	387
25	China	Shiyu Li (IMM)	Adult	A045	2790	373
26	Australia	Unurbold Byambadorj	Junior	J045	2661	356
27	Mongolia	Amina Odkhuu	Junior	J026	2610	349
28	Mongolia	Irmuun Odkhuu	Junior	J027	2550	341
29	Mongolia	Altantulga Erdenetungalag	Junior	J031	2475	331
30	Mongolia	Ankhiluun Lkhagvajav	Kid	K055	2446	327
31	Viet Nam	Nguyễn Tân Hưng	Adult	A038	2445	327
32	India	Vishvaa Rajakumar (IMM)	Adult	A048	2403	321
33	Mongolia	Myanganbayar Gantulga (IMM)	Adult	A052	2370	317
34	Mongolia	Guanaran Nammandakh	Junior	J029	2349	314
35	Mongolia	Munkh-Orgil Sunduijantsan	Kid	K052	2265	303

36	Mongolia	Enkh-Ujin Otgonbileg	Junior	J024	2191	293
37	Mongolia	Suld-Erdene Badrakhbayar	Kid	K054	2175	291
38	Germany	Dr. Gunther Karsten (GMM)	Senior	S006	2097	280
39	Mongolia	Maralmaa Gurvan-Erdene	Kid	K056	2088	279
40	Algeria	Meryem Yezza (IMM)	Adult	A044	1980	265
41	Australia	Urangoo Ulambayar	Junior	J020	1965	263
42	Mongolia	Siilen Uuganbayar	Junior	J039	1950	261
43	Mongolia	Lkhagvadorj Bayanmunkh	Kid	K046	1845	246
44	Mongolia	Amirlan Saruulbuyan	Kid	K057	1755	234
45	China	Qiyu Cang	Kid	K042	1665	222
46	Mongolia	Erkhzaya Zaya (IGM)	Kid	K051	1653	221
47	Mongolia	Setsen Enkhbold	Junior	J035	1530	204
48	Algeria	Sarah Yasmine Hafsi	Adult	A043	1380	184
49	Australia	Telmen Uugankhuu	Junior	J019	1308	175
50	Viet Nam	Đặng Ngọc Phương Trinh	Adult	A040	1155	154
51	Mongolia	Yesukhei Enkhbayar	Kid	K049	1155	154
52	Algeria	Leila Naziha Hafsi	Adult	A042	1140	152
53	Mongolia	Anirlan Khurelchuluun	Kid	K050	1126	150
54	Mongolia	Emujin Zorigtbayar	Junior	J025	1086	145
55	Australia	Temuulen Ulambayar	Kid	K039	1065	142
56	Viet Nam	Nghiêm Tuấn Nghĩa	Senior	S003	1062	142
57	China	Sitong Yu	Kid	K043	1026	137
58	Viet Nam	Thân Thị Kỳ Lại	Adult	A001	1014	135
59	Philippines	Roberto Racasa	Adult	A056	990	132
60	Viet Nam	Đặng Quang Hưng	Adult	A037	870	116
61	Viet Nam	Lê Mạnh Đông	Adult	A041	855	114
62	Russia	Alina Kuliaeva	Junior	J046	822	110
63	Viet Nam	Đào Thuận Phát	Kid	K014	684	91
64	China	Shuyuan Huang	Kid	K041	630	84
65	Viet Nam	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Adult	A014	576	77
66	Korea	Sooyoung Paek	Adult	A057	576	77
67	Russia	Gaiane Kuriatova	Adult	A058	570	76
68	Viet Nam	Bùi Đức Huy	Junior	J017	555	74
69	Viet Nam	Đặng Lê Huy	Junior	J016	480	64
70	Viet Nam	Đặng Nguyễn Hoàng Phát	Kid	K002	480	64
71	Viet Nam	Đàm Thảo Minh	Senior	S004	480	64
72	Malaysia	Ang Mui Hoon	Adult	A051	474	63

73	Viet Nam	Nguyễn Huyền	Adult	A019	450	60
74	Viet Nam	Phạm Ngọc Tài	Junior	J007	420	56
75	Viet Nam	Hoàng Thị Vân	Adult	A017	345	46
76	Viet Nam	Vy Thị Ngân	Adult	A032	342	46
77	Viet Nam	Lê Việt Phương	Adult	A003	330	44
78	Algeria	Aroua Tebbiche	Junior	J018	330	44
79	Malaysia	Lee Yi Xuen Celest	Junior	J047	312	42
80	Viet Nam	Chu Ngọc Thắng	Adult	A010	285	38
81	Viet Nam	Hoàng Thị Sen	Adult	A013	282	38
82	Viet Nam	Nguyễn Thị Mai Phương	Adult	A030	243	32
83	Viet Nam	Nguyễn Đức Hoàng	Adult	A016	240	32
84	Viet Nam	Trần Gia Huy	Kid	K001	240	32
85	Viet Nam	Lê Thị Mỹ Vương	Adult	A006	225	30
86	Viet Nam	Trần Hoàng Minh Long	Junior	J002	225	30
87	Viet Nam	Tăng Nữ Hoài Ngân	Junior	J001	216	29
88	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Phương Lam	Kid	K005	216	29
89	Viet Nam	Phan Thanh Dũng	Adult	A009	210	28
90	Viet Nam	Huỳnh Thiện Long	Junior	J003	210	28
91	Viet Nam	Võ Trần Thiên Nhân	Kid	K022	210	28
92	Viet Nam	Trần Việt Hùng	Kid	K023	210	28
93	Viet Nam	Nguyễn Thanh Thuận	Adult	A018	186	25
94	Viet Nam	Phan Thanh Trúc	Adult	A005	180	24
95	Viet Nam	Nguyễn Thị Vân Hà	Adult	A021	180	24
96	Viet Nam	Nguyễn Tiến An	Adult	A011	153	20
97	Viet Nam	Chu Thanh Vân	Adult	A020	150	20
98	Viet Nam	Hồ Hoàng Vũ	Adult	A023	150	20
99	Viet Nam	Lê Anh Thủy	Adult	A028	150	20
100	Viet Nam	Võ Trần Long Nhi	Kid	K021	150	20
101	Viet Nam	Nguyễn Đức An Nhân	Kid	K012	147	20
102	Viet Nam	Nguyễn Thúc Anh	Adult	A031	135	18
103	Viet Nam	Trương Vũ Luân	Adult	A039	135	18
104	Viet Nam	Ngô Thành Phát	Junior	J004	135	18
105	Viet Nam	Lê Gia Bách	Junior	J012	132	18
106	Viet Nam	Hồ Gia Bách	Kid	K003	120	16
107	Viet Nam	Huỳnh Thị Phương Uyên	Adult	A004	111	15
108	Viet Nam	Lê Thị Kim Tánh	Adult	A025	90	12
109	Viet Nam	Đinh Thị Hồng	Adult	A029	90	12

110	Viet Nam	Nguyễn Văn Lực	Adult	A036	90	12
111	Viet Nam	Vũ Nguyễn Sara	Junior	J011	90	12
112	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Junior	J014	90	12
113	Viet Nam	Đặng Lê Quốc Bảo	Junior	J015	90	12
114	Czech	Lai Duc Duy Nguyen	Kid	K044	76	10
115	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Adult	A008	75	10
116	Viet Nam	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	Adult	A007	66	9
117	Viet Nam	Phạm Đức Kiên	Kid	K037	66	9
118	Viet Nam	Vũ Thị Thái	Senior	S001	66	9
119	Viet Nam	Vay Nguyễn Gia Thy	Junior	J010	60	8
120	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Bách	Kid	K008	50	7
121	Viet Nam	Hồ Nguyễn Thiên Phúc	Kid	K004	45	6
122	Viet Nam	Trần Nhật Huy	Junior	J006	36	5
123	Viet Nam	Phan Thị Xuân Hằng	Adult	A022	30	4
124	Viet Nam	Đặng Thị Tố Quyên	Kid	K033	30	4
125	Viet Nam	Khổng Gia Lâm	Kid	K036	30	4
126	Viet Nam	Vũ Minh Châu	Kid	K024	15	2
127	Viet Nam	Phạm Vĩnh Khang	Kid	K017	12	2
128	Viet Nam	Nguyễn Hồ Nhã Uyên	Kid	K027	1	0
129	Viet Nam	Tạ Thị Ngọc Anh	Adult	A002	0	0
130	Viet Nam	Trần Ngọc Nhân	Adult	A012	0	0
131	Viet Nam	Nguyễn Minh Quốc	Adult	A015	0	0
132	Viet Nam	Nguyễn Phước Lộc	Adult	A024	0	0
133	Viet Nam	Đặng Phú Gia	Adult	A026	0	0
134	Viet Nam	Hồ Diễm My	Adult	A027	0	0
135	Viet Nam	Phạm Thị Phương Trang	Adult	A033	0	0
136	Viet Nam	Đào Thị Châu Thành	Adult	A034	0	0
137	Viet Nam	Trần Thị Thùy Dương	Adult	A035	0	0
138	India	Neena Kalyan	Adult	A047	0	0
139	Italy	Enrico Marraffa	Adult	A049	0	0
140	Kazakhstan	Yerzhan Mynzhanov	Adult	A050	0	0
141	Algeria	Abdelkader Ibrahim Rassine (IMM)	Adult	A059	0	0
142	Viet Nam	Nguyễn An Khang	Junior	J005	0	0
143	Viet Nam	Thái Doãn Bách	Junior	J008	0	0
144	Viet Nam	Trần Ngọc Bảo Trân	Junior	J009	0	0
145	Viet Nam	Đặng Minh Quân	Junior	J013	0	0
146	Viet Nam	Nguyễn Thái Dương	Kid	K006	0	0

147	Viet Nam	Lý Trần Minh Ánh	Kid	K007	0	0
148	Viet Nam	Nguyễn Đình Hoàng Minh	Kid	K009	0	0
149	Viet Nam	Vương Đình Phúc Hưng	Kid	K010	0	0
150	Viet Nam	Nguyễn Đình Đức Uy	Kid	K011	0	0
151	Viet Nam	Nguyễn Đình Phúc Nguyên	Kid	K013	0	0
152	Viet Nam	Le Pham Minh Hoang	Kid	K015	0	0
153	Viet Nam	Lê Thanh Trí Đông	Kid	K016	0	0
154	Viet Nam	Nguyễn Đức Tuấn	Kid	K018	0	0
155	Viet Nam	Ngô Đức Hùng	Kid	K019	0	0
156	Viet Nam	Tạ Phúc Khang	Kid	K020	0	0
157	Viet Nam	Trần Minh Cát Tường	Kid	K025	0	0
158	Viet Nam	Trần Khánh Hưng	Kid	K026	0	0
159	Viet Nam	Lê Thiên An	Kid	K028	0	0
160	Viet Nam	Nguyễn Phước Bảo	Kid	K029	0	0
161	Viet Nam	Nguyễn Huyền Ngọc	Kid	K030	0	0
162	Viet Nam	Lê Huỳnh Minh Khang	Kid	K031	0	0
163	Viet Nam	Tổng Khả Ái	Kid	K032	0	0
164	Viet Nam	Trần Viêt Minh Anh	Kid	K034	0	0
165	Viet Nam	Đỗ Bội Linh	Kid	K035	0	0
166	Viet Nam	Giáp Minh Ngọc	Kid	K038	0	0
167	Germany	Alex Dinh	Kid	K045	0	0
168	Viet Nam	Võ Thị Thơi	Senior	S002	0	0
169	America	Tom Tran	Senior	S005	0	0